

**CÔNG TY TNHH NVL MAY HỒNG ĐỨC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NVL MAY HỒNG ĐỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG DUC TEXTILE NVL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108458229

**3. Ngày thành lập:** 04/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 65, Ngõ 73 Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913032935

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Dịch vụ cung cấp các dịch vụ gia tăng trên mạng internet và quản trị thông tin trực tuyến<br>-Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động (Điều 27 Nghị định 72/2013/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 27/2018/NĐ-CP) | 6190     |
| 2.  | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                                                                                                                                                                                                                                       | 2420     |
| 3.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                                                     | 1391     |
| 4.  | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                                                                                               | 1511     |
| 5.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2410     |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                        | 4641     |
| 7.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1623     |
| 8.  | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                         | 1702     |
| 9.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                 | 4753     |
| 10. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4759     |
| 11. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                            | 4771     |
| 12. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4632     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                            | 4772 |
| 14. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                        | 4784 |
| 15. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2431 |
| 16. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                             | 6202 |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất. | 7410 |
| 18. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Môi giới chuyên giao công nghệ;<br>- Tư vấn chuyên giao công nghệ;<br>- Đánh giá công nghệ;<br>- Giám định công nghệ;<br>- Xúc tiến chuyển giao công nghệ.                                            | 7490 |
| 19. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1811 |
| 20. | Dịch vụ liên quan đến in (trừ rên rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                                                                | 1812 |
| 21. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1820 |
| 22. | Sản xuất nôi hơi (trừ nôi hơi trung tâm)                                                                                                                                                                                                                                                        | 2513 |
| 23. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                              | 2394 |
| 24. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                          | 1392 |
| 25. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1520 |
| 26. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                           | 2392 |
| 27. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                               | 2395 |
| 28. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ Bán buôn vàng và kim loại quý khác)                                                                                                                                                                                                                    | 4662 |
| 29. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310 |
| 30. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                           | 4791 |
| 31. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                       | 5210 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;                                                                                                                                                                                 | 5229 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6209 |
| 34. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1430 |
| 35. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1622 |
| 36. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9522 |
| 37. | Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9523 |
| 38. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu<br>Chi tiết:<br>- Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ;<br>- Cắt, tỉa và cạo râu;<br>- Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm...(trừ hoạt động gây chảy máu)                                                                                                                                                                   | 9631 |
| 39. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa;<br>Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                                                                                                                                                                                                    | 4610 |
| 40. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2396 |
| 41. | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2432 |
| 42. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2511 |
| 43. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2512 |
| 44. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649 |
| 45. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7320 |
| 46. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7710 |
| 47. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9521 |
| 48. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1394 |
| 49. | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1311 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 50. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4933        |
| 51. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1701        |
| 52. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1709        |
| 53. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6201        |
| 54. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659        |
| 55. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1393(Chính) |
| 56. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1312        |
| 57. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1313        |
| 58. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1410        |
| 59. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1420        |
| 60. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1512        |
| 61. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn cao su<br>Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4669        |
| 62. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4931        |
| 63. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                                                                                                                                         | 4932        |
| 64. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6399        |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012332366

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P302, nhà K17, Tập thể Bách Khoa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: P302, nhà K17, Tập thể Bách Khoa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 21/03/1973      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: 012332366

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P302, nhà K17, Tập thể Bách Khoa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P302, nhà K17, Tập thể Bách Khoa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội